

Bản án số: 01/2021/HC-ST

Ngày: 28-01- 2021

*V/v khiếu kiện yêu cầu hủy
quyết định hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng.
2. Ông Đồng Minh Thực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 12 năm 2020 và ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-HC ngày 13 tháng 3 năm 2020 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đoàn Văn T.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D.

Địa chỉ: 26 Lý Thái Tổ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ trụ sở làm việc: 761 Hùng Vương, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Mạnh M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S (văn bản ủy quyền số 1163/QĐ-UBND ngày 21/12/2020). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ trụ sở làm việc: 761 Hùng Vương, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Mạnh M – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S (văn bản ủy quyền số 03/QĐ-UBND ngày 05/01/2021). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Đoàn Văn T trình bày:*

Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai cho rằng ông có hành vi vi phạm hành chính lấn, chiếm đất của nhà nước là hoàn toàn không đúng và không phù hợp với chính sách pháp luật đất đai của Nhà nước.

Hơn nữa, trong Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S số 38/KLĐT ngày 16/10/2017 đã nêu: “Diện tích đất lấn, chiếm của ông T là đất trồng cây hằng năm, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định tại Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 22 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ”. Những hành vi của ông tuy có lỗi nhưng không gây ra bất cứ hậu quả nghiêm trọng gì cho cá nhân hay cơ quan, tổ chức khác nên ông không phải chịu trách nhiệm hành chính và cũng không phải chịu bất cứ biện pháp khắc phục hậu quả nào mà trong Quyết định số 22 đã ban hành.

Quyết định số 22 cũng không áp dụng khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt vi phạm hành chính mà áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP để cho rằng số tiền 670.000.000 đồng mà gia đình ông đã chuyển nhượng 02 thửa đất là tiền thu lợi bất hợp pháp để buộc ông phải nộp lại là không có căn cứ pháp luật vì 02 thửa đất này có nguồn gốc rõ ràng, một phần là do nhận chuyển nhượng, một phần là do gia đình tự khai hoang, khi đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai tranh chấp, không thuộc đất quy hoạch và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gia đình ông được quyền chuyển nhượng. Vì vậy, số tiền sang nhượng 590.000.000 đồng là gia đình ông được hưởng từ công sức chính đáng và có vốn đầu tư. Đối với số tiền 560.000.000 đồng, trong thời gian bị thanh tra, kiểm tra do nhiều người khuyên ông tự giác nộp, do sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên ông đã nghe theo và nộp tại tài khoản tạm gửi của Thanh tra huyện S.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành

chính số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai và đồng thời trả lại cho ông số tiền 560.000.000 đồng.

** Tại văn bản trình bày ý kiến, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai trình bày:*

Ngày 24/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai nhận được đơn tố cáo đối với ông Đoàn Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai có hành vi lợi dụng, chức vụ quyền hạn chiếm đất bán lấy tiền.

Ủy ban nhân dân huyện S đã thành lập tổ kiểm tra, xác minh nội dung đơn tố cáo. Sau khi nhận được kết quả xác minh nội dung đơn tố cáo, ngày 10/01/2017, Thanh tra huyện S đã ra Kết luận số 01/KT-TTr. Xét thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật, ngày 16/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện S đã ra văn bản số 62/UBND-NC về việc chuyển hồ sơ vụ việc để điều tra xử lý, chuyển hồ sơ vụ việc sang Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S để điều tra làm rõ hành vi vi phạm của ông Đoàn Văn T.

Sau khi vụ việc được Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S thụ lý, ngày 19/02/2017 ông Đoàn Văn T tự nguyện nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S với số tiền 560.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngày 16/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S đã ra kết luận điều tra số 138/KLĐT, với nội dung vụ việc và kết luận như sau:

... “Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S kết luận điều tra, ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với ông Đoàn Văn T – Chủ tịch UBND xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2014 đã có hành vi lấn chiếm của nhà nước, làm giả các giấy tờ viết tay sang nhượng đất, lạm dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ để bán lại cho người khác đối với 02 thửa đất tại làng T, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Hành vi trên của ông T đã vi phạm vào khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cơ quan CSĐT công an huyện S đã có văn bản đề nghị UBND huyện S ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với ông T, đồng thời có hình thức xử lý kỷ luật cán bộ công chức đối với ông T”. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S đã ra Quyết định số 62 quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với ông Đoàn Văn T.

Ngày 26/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S có văn bản số 316/CV v/v đề nghị xử lý cán bộ vi phạm trong vụ án Đoàn Văn T.

Đến ngày 13/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND về việc xử lý kỷ luật đối với ông Đoàn Văn T. Ngày 16/12/2017, ông Đoàn Văn T có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S với nội dung, đề nghị Thanh tra huyện trả lại số tiền 560.000.000 đồng

tại tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S đề nghị thu hồi Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện S.

Ngày 23/4/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ra quyết định số 240/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn T (lần đầu), không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Văn T. Không đồng ý, ông Đoàn Văn T khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ngày 18/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có công văn số 2840/UBND-BTCD về việc xử lý đơn của ông Đoàn Văn T và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện S nghiên cứu, xử lý lại vụ việc theo kết quả kiểm tra và hướng đề xuất vụ việc của Thanh tra tỉnh theo Báo cáo số 122/BC-TTr ngày 2/11/2018.

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai là ông Dương Mạnh M trình bày:*

Ngày 19/2/2017, ông Đoàn Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S với số tiền là 560.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Căn cứ theo quy định của pháp luật, theo niên độ kế toán, Thanh tra huyện S đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S chuyển toàn bộ tiền tại tài khoản tạm giữ Thanh tra huyện vào ngân sách Nhà nước để xử lý theo quy định. Đến ngày 08/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S có Quyết định số 02/QĐ-UBND về việc thu hồi số tiền sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra nộp vào ngân sách Nhà nước, trong đó có số tiền 560.000.000 đồng mà ông Đoàn Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S chờ xử lý. Hiện số tiền trên đang nằm trong ngân sách nhà nước huyện S, được hoạch toán vào nội dung thu khác ngân sách và thuộc ngân sách cấp huyện S hưởng, đây là một trong các khoản thu được tính trong cân đối dự toán thu, chi ngân sách thuộc niên độ 2018.

Ngày 23/02/2018, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Thông báo số 33/TB-UBND trong đó có nội dung yêu cầu Thanh tra huyện S tham mưu Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi số tiền sai phạm của 02 lô đất mà ông Đoàn Văn T lấn, chiếm sang nhượng trực lợi cho cá nhân với số tiền là 670.000.000 đồng. Ngày 02/4/2018, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành văn bản số 441/UBND-NC giao Thanh tra huyện thực hiện việc thu hồi số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) mà ông Đoàn Văn T nộp còn thiếu vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện.

Theo đề xuất của Thanh tra tỉnh tại báo cáo số 122/BC-TTr ngày 2/11/2018, căn cứ theo khoản 2, Điều 65, Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, căn cứ tại điểm đ, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 11/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc ông Đoàn Văn T phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật với số tiền là 670.000.000 đồng.

Nay ông Đoàn Văn T yêu cầu hoàn trả 560.000.000 đồng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 là không đúng quy định của pháp luật vì ông Đoàn Văn T không có hành vi lấn, chiếm đất như Quyết định số 22/QĐ-UBND đã nêu. Hiện tại số tiền 560.000.000 đồng mà ông T đã nộp hiện đang nằm trong ngân sách huyện S, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai thu hồi và nộp số tiền 560.000.000 đồng của ông Đoàn Văn T tạm nộp tại tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S vào ngân sách nhà nước theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai, đồng thời buộc Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn T số tiền 560.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND ngày 11/1/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về đối tượng khởi kiện:

Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 (sau đây ghi tắt là Quyết định số 22) là quyết định hành chính liên quan đến xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ban hành, được áp dụng một lần đối với ông Đoàn Văn T, có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Văn T. Vì vậy, quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 và Điều 30 của Luật tổ tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 22, ngày 07/01/2020 ông Đoàn Văn T khởi kiện đối với Quyết định số 22, vì vậy thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính nêu trên vẫn còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện:

Người khởi kiện khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, do đó theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện:

[2.1] Sau khi nhận được đơn tố cáo, qua quá trình xác minh, ngày 10/1/2017 Thanh tra huyện S, tỉnh Gia Lai đã ban hành Kết luận thanh tra số 01/KL-TTr về việc kiểm tra hồ sơ xác minh nội dung tố cáo của một số hộ dân thôn T, xã B, huyện S, trong đó đã xác định hành vi của ông T có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S, tỉnh Gia Lai. Ngày 16/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S, tỉnh Gia Lai đã ban hành Kết luận điều tra số 138/KLĐT và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 62. Tại Bản kết luận điều tra số 138/KLĐT thể hiện nội dung: “... Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện S kết luận điều tra, ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ: Ông Đoàn Văn T – Chủ tịch UBND xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2014 đã có hành vi lấn chiếm đất của nhà nước, làm giả các giấy tờ viết tay sang nhượng đất, lạm dụng chức vụ, quyền hạn lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ để bán lại cho người khác đối với hai thửa đất tại làng T, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Hành vi trên của ông T đã vi phạm vào khoản 1, điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Sau khi ban hành Bản kết luận điều tra số 138/KLĐT và Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 62 cùng ngày 16/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra

công an huyện S, tỉnh Gia Lai đã chuyển hồ sơ vụ án đến Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai để xử lý theo thẩm quyền.

Khoản 1 Điều 10 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: “1. *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất*”.

Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm b khoản 1 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này là của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong trường hợp này là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Lẽ ra, trong trường hợp nếu hành vi của ông Đoàn Văn T có dấu hiệu vi phạm hành chính thì Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S, tỉnh Gia Lai phải chuyển hồ sơ và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S, tỉnh Gia Lai lại chuyển hồ sơ vụ án đến Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai. Sau khi nhận được hồ sơ do Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S, tỉnh Gia Lai chuyển đến, lẽ ra Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai cần chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai để thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, sau khi nhận được hồ sơ từ Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện S, tỉnh Gia Lai thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai đã không chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cũng không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 22 là không đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

[2.2] Khoản 2 Điều 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “*Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này...*”.

Và điểm đ khoản 2 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính, điểm đ khoản 2 Điều 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đều quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành*

chính” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, đó là quy định chung về thẩm quyền, tùy tính chất, hành vi vi phạm hành chính khác nhau mà áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho phù hợp.

Theo Bản kết luận điều tra số 138/KLĐT ngày 16/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Gia Lai và Quyết định số 22 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai đều xác định ông Đoàn Văn T đã có hành vi vi phạm hành chính lần, chiếm đất quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này là **“Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã lấn, chiếm”**, không có biện pháp **“Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm”** mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S đã áp dụng tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019.

Hơn nữa, về hình thức Quyết định số 22 được ban hành không đúng hình thức theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 là không đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Vì những phân tích đã nêu tại mục [2.1] và [2.2], việc ông Đoàn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Ngày 19/2/2017, ông Đoàn Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S, tỉnh Gia Lai với số tiền là 560.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Ngày 11/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ra Quyết định số 22/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, buộc ông Đoàn Văn T phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật với số tiền là 670.000.000 đồng. Mặc dù, không nhắc đến nhưng trong quá trình giải quyết vụ việc có liên quan đến ông Đoàn Văn T, Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai đều xác định 560.000.000

đồng mà ông Đoàn Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S là một phần trong số tiền 670.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 23/02/2018, Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ban hành Thông báo số 33/TB-UBND trong đó có nội dung yêu cầu Thanh tra huyện S, tỉnh Gia Lai tham mưu Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai thu hồi số tiền sai phạm của 02 lô đất mà ông Đoàn Văn T lấn, chiếm sang nhượng trực lợi cho cá nhân với số tiền là 670.000.000 đồng. Ngày 28/3/2018, Thanh tra huyện S, tỉnh Gia Lai có Báo cáo số 40/BC-TTr về việc báo cáo kết quả làm việc với ông Đoàn Văn T có nội dung, buộc ông Đoàn Văn T nộp toàn bộ số tiền là 670.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước, ông T đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện số tiền là 560.000.000 đồng, nay phải nộp thêm 110.000.000 đồng. Đến ngày 02/4/2018, sau khi xem xét báo cáo, đề xuất của Thanh tra huyện S tại Báo cáo số 40/BC-TTr ngày 28/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành văn bản số 441/UBND-NC có nội dung giao Thanh tra huyện S thực hiện việc thu hồi số tiền 110.000.000 mà ông Đoàn Văn T nộp còn thiếu vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S; và tại Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn T, thường trú tại làng T, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai (Lần đầu) cũng thể hiện nội dung, “...*Tổng số tiền ông Đoàn Văn T bán, thu lợi là 670.000.000 đồng. Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai “áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm; buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; buộc làm thủ tục chính Giấy chứng nhận bị sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung; buộc hủy bỏ giấy tờ giả liên quan đến việc sử dụng đất; buộc trả lại diện tích đất đã nhận chuyển nhượng do vi phạm”.* Từ những căn cứ trên thì ông Đoàn Văn T phải nộp số tiền là 670.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Ông Đoàn Văn T đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện số tiền là 560.000.000 đồng, nên phải nộp bổ sung số tiền là 110.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện chờ xử lý theo quy định.

Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Văn T, làng T, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai về việc trả lại số tiền là 560.000.000 đồng mà ông Đoàn Văn T đã nộp vào khoản tạm giữ của Thanh tra huyện. Yêu cầu ông Đoàn Văn T nộp bổ sung số tiền là 110.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện chờ xử lý”. Và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng trình bày, số tiền 670.000.000 đồng theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 19/01/2019 sẽ được khấu trừ vào số tiền 560.000.000 đồng mà ông

Đoàn Văn T đã nộp trước đó, ông Đoàn Văn T chỉ phải nộp bổ sung 110.000.000 đồng.

Tuy nhiên, như phân tích tại mục [2] Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND ngày 19/01/2019 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai ban hành là không đúng quy định của pháp luật nên việc ông Đoàn Văn T yêu cầu trả lại số tiền 560.000.000 đồng là phù hợp. Hiện nay, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai thì 560.000.000 đồng mà ông Đoàn Văn T đã tạm nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện S, tỉnh Gia Lai đã được nhập vào Ngân sách nhà nước của huyện S, tỉnh Gia Lai được hoạch toán vào nội dung thu khác ngân sách và thuộc ngân sách cấp huyện hưởng, đây là một trong các khoản thu được tính trong cân đối dự toán thu, chi ngân sách thuộc niên độ 2018. Vì vậy cần buộc Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai hoàn trả cho ông Đoàn Văn T 560.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 28, 38, 63 và 65 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; các Điều 10, 31 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-UBND ngày 11/1/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai thực hiện nhiệm vụ công vụ hoàn trả cho ông Đoàn Văn T 560.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đoàn Văn T 300.000 đồng tạm ứng phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008106 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Như Phượng